TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ R** **TỈNH LÂM ĐỒNG** Bản án số: 22/2023/TLST-DS Ngày: 31/8/2023 V/v: "***Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản***"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ R
TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hoàng Rung K'Nhơn**.
Các Hội thẩm nhân dân: - **Bà: K'Nga**
- Ông: Nguyễn Ngọc Thanh

Thư ký phiên tòa: **Bà Hoàng Thị Thanh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: **bà Nguyễn Thị Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023; Tại phòng xử án. Tòa án nhân dân huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc "***Tranh chấp dân sự do vi phạm hợp đồng vay tài sản***". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Bà Phạm Thúy H, sinh năm: 1985
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng.
Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị đơn*: Bà Lương Thị H; Sinh năm: 1985;
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng.
Có mặt tại phiên tòa.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Cao Thế T
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ R, tỉnh Lâm Đồng.
Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn bà Phạm Thúy H trình bàythì nội dung vụ án được xác định như sau:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên ngày 31/12/2019 bà có cho bà H vay số tiền 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) với thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 2%/triệu/tháng. Việc cho vay hai bên có lập giấy thỏa thuận vay tiền và có chữ ký xác nhận của hai bên. Khi vay bà Hạnh có thế chấp cho bà 01 Giấy xác nhận đất, mục đích vay là để trang trải cho con đi du học Hàn Quốc. Quá trình vay bà

H đã trả được cho bà 35.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi đến hết tháng 01/2020. Hiện bà H còn nợ lại 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ tháng 02/2020 đến nay. Khoản tiền nợ này khi đến hạn trả bà đã nhiều lần đòi nợ, nhưng bà H không chịu trả. Vì vậy để quyền và lợi ích của bà được đảm bảo. Nay bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà H phải trả cho bà số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 02/2020 đến thời điểm bà nộp đơn khởi kiện là: 100.000.000 đồng x 2% x 42 tháng = 84.000.000 đồng. Tổng số là 184.000.000 đồng. Ngoài ra bà không còn ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn bà Lương Thị Hạnh trình bày:

Việc bà vay tiền của bà H như bà H trình bày là đúng. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên bà chưa có điều kiện để trả cho bà H như cam kết và bà đã cố gắng trả dần cho bà H bắt đầu từ ngày 23/01/2021 (âm lịch) đến tháng 03/2023 (âm lịch) thì bà đã trả hết số tiền còn nợ cho bà H. Sau đó bà có đề nghị bà H xuống nhà bà để tính toán số tiền vay cũng như số tiền đã trả, nhưng bà H không đồng ý. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà trả tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi 84.000.000đ thì bà không đồng ý. Vì bà đã trả xong khoản nợ vay của bà H, hiện nay không còn nợ nữa.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Cao Thế T: Ông không biết và không liên quan đến việc vay mượn giữa vợ ông và bà H. Vì vợ ông không nói cho ông biết. Việc bà H cho rằng ông có gặp bà H để lấy tiền nợ là không đúng. Vì vậy, tôi không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xin rút yêu cầu bà Hạnh trả khoản tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn bà H trả 100.000.000đ tiền gốc. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến cũng như yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Qua xem xét lời khai của các bên đương sự, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng việc bà H vay tiền của bà H là có, quá trình vay mươn hai bên có lập giấy vay tiền. Tại phiên tòa bà H yêu cầu bà H trả khoản tiền gốc là 100.000.000đ, bà H không chấp nhận yêu cầu của bà H. Xét yêu cầu khởi kiện của bà H về khoản tiền gốc là hoàn toàn có căn cứ. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H. Đối với khoản tiền lãi, bà H đã rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử định chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xuất phát từ việc bà Hạnh vay tiền của bà H, nhưng không chịu trả nợ, nên bà H làm đơn khởi kiện. Căn cứ theo quy định tại điều 26, điều 35 và điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện tranh chấp về dân sự do vi phạm hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ R.

[2] Về nội dung vụ án: Qua xem xét đánh giá chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai nhận của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng: Việc bà H vay tiền của bà H là có. Theo giấy vay mượn tiền mà hai bên xác lập vào ngày 31/12/2019 thì tổng số tiền mà bà H vay của bà H là 135.000.000đ. Thời hạn cho vay là 01 tháng tính từ ngày xác lập giấy vay. Theo bà H khai, quá trình vay đến nay bà H mới trả cho bà H số tiền gốc là 35.000.000đ, còn lại 100.000.000đ chưa trả cho bà H. Còn theo bà H khai thì trong quá trình vay bà đã trả đủ số tiền gốc, lãi cho bà H, nên không đồng ý trả tiếp theo yêu cầu của bà H. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bà H không cung cấp chứng cứ để chứng minh cho việc bà đã trả toàn bộ số nợ cho bà H, trong khi đó bà H khẳng định đến nay bà H vẫn còn nợ bà số tiền gốc là 100.000.000đ. Vì vậy bà H khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền gốc 100.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ.

Đối với khoản tiền lãi vay. Tại phiên tòa hôm nay bà H không yêu cầu bà H trả khoản tiền lãi nữa, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết

[3] Về án phí: Nguyên đơn không phải nộp án DSST, bị đơn bà Hạnh phải nộp 5% án phí DSST là 100.000.000đ x 5% = 5.000.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy đinh về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thúy H. Buộc bà Lương Thị H có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thúy H số tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà H.

"*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự*"

2. Về án phí: Buộc bà Lương Thị H phải nộp 5.000.000đ án phí DSST. Hoàn trả lại cho bà H 4.600.000đ số tiền tạm ứng án phí mà bà Huỳnh đã tạm nộp theo biên lai số 0010300 ngày 17/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ R.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/8/2023) để yêu cầu Tóa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận: **T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02 bản);
- VKSND huyện Đ R (01 bản);
- VKSND tỉnh LĐ (01 bản).
- Chi cục THADS H. Đ R (01bản).
- Các đương sự. (02 bản)
- Lưu HSVA.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa